

## BẢNG GIÁ DỊCH VỤ PHI HÀNG KHÔNG

(Kèm theo quyết định số. 445../QĐ-ACSV của Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ hàng hóa hàng không Việt Nam ban hành ngày 20..tháng 4 năm 2021)

| I DỊCH VỤ VÉ RA/VÀO SÂN ĐỖ Ô TÔ - NHÀ GA HÀNG HÓA NỘI BÀI |                                                                              |             |                                 |                                                                                                                                                                                                             |                                                                 |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
|                                                           | NỘI DUNG DỊCH VỤ                                                             | ĐƠN VỊ TÍNH | Đơn giá 02 tiếng đầu tiên (VND) | Đơn giá mỗi Block tiếp theo (VND)                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                         |
| 1                                                         | Dịch vụ sân đỗ ô tô với phương tiện ra/vào không thường xuyên                |             |                                 |                                                                                                                                                                                                             |                                                                 |
|                                                           | 1.1. Xe ô tô đến 9 chỗ, xe tải đến 1,5 tấn                                   | xe/lượt     | 15.000                          | 5.000                                                                                                                                                                                                       | Mỗi block: 30 phút; không áp dụng phụ thu ngoài giờ hành chính. |
|                                                           | 1.2. Xe ô tô 10-16 chỗ, xe bán tải và xe tải trên 1,5 đến 3,5 tấn            | xe/lượt     | 20.000                          | 7.000                                                                                                                                                                                                       |                                                                 |
|                                                           | 1.3. Xe ô tô 17-29 chỗ, xe tải trên 3,5 đến 7 tấn                            | xe/lượt     | 30.000                          | 10.000                                                                                                                                                                                                      |                                                                 |
|                                                           | 1.4. Xe ô tô từ 30 chỗ trở lên, tải trên 7 tấn, xe container, xe kéo rơ moóc | xe/lượt     | 40.000                          | 15.000                                                                                                                                                                                                      |                                                                 |
|                                                           | NỘI DUNG DỊCH VỤ                                                             | ĐƠN VỊ TÍNH | ĐƠN GIÁ (VND)                   | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                     |                                                                 |
| 2                                                         | Dịch vụ sân đỗ ô tô với phương tiện ra/vào có kinh doanh dịch vụ vận tải     |             |                                 |                                                                                                                                                                                                             |                                                                 |
|                                                           | 2.1. Xe ô tô đến 9 chỗ, xe tải đến 1,5 tấn                                   | Xe/tháng    | 900.000                         | Thời gian đỗ tối đa: 3 tiếng/ngày; Các phương tiện sử dụng vé tháng nếu đỗ xe quá thời gian quy định sẽ bị tính phí đỗ xe theo lượt cho khoảng thời gian đỗ xe vượt quá mức thời gian tối đa theo quy định. |                                                                 |
|                                                           | 2.2. Xe ô tô 10-16 chỗ, xe bán tải và xe tải trên 1,5 đến 3,5 tấn            | Xe/tháng    | 950.000                         |                                                                                                                                                                                                             |                                                                 |



|          |                                                                                                                                                                           |          |           |                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | 2.3. Xe ô tô 17-29 chỗ, xe tải trên 3,5 đến 7 tấn                                                                                                                         | Xe/tháng | 1.200.000 | Thời gian đỗ tối đa: 5 tiếng/ngày; Các phương tiện sử dụng vé tháng nếu đỗ xe quá thời gian quy định sẽ bị tính phí đỗ xe theo lượt cho khoảng thời gian đỗ xe vượt quá mức thời gian tối đa theo quy định                                   |
|          | 2.4. Xe ô tô từ 30 chỗ trở lên, tải trên 7 tấn, xe container, xe kéo rơ moóc                                                                                              | Xe/tháng | 1.250.000 |                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>3</b> | <b>Dịch vụ sân đỗ ô tô với phương tiện ra/vào không kinh doanh dịch vụ vận tải</b>                                                                                        |          |           |                                                                                                                                                                                                                                              |
|          | 1. Xe của nhân viên các tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở văn phòng tại kho hàng ACSV không kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa<br>(Áp dụng đối với xe ô tô đến 9 chỗ ngồi) | Xe/tháng | 400.000   | Thời gian đỗ tối đa: 12 tiếng/ngày; số ngày đỗ xe là 22 ngày/tháng; Các phương tiện sử dụng vé tháng nếu đỗ xe quá thời gian quy định sẽ bị tính phí đỗ xe theo lượt cho khoảng thời gian đỗ xe vượt quá mức thời gian tối đa theo quy định. |



| II | DỊCH VỤ CHO THUÊ MẶT BẰNG - PHƯƠNG TIỆN - TRANG THIẾT BỊ                   | ĐƠN VỊ TÍNH           | ĐƠN GIÁ (VNĐ) | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                       |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Dịch vụ cho thuê mặt bằng văn phòng                                        |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Giá sàn                                                                    | m <sup>2</sup> /tháng | 450.000       | Theo đơn giá được Bộ GTVT quy định.                                                                                                                                                                           |
|    | Giá trần                                                                   | m <sup>2</sup> /tháng | 650.000       |                                                                                                                                                                                                               |
| 2  | Dịch vụ cho thuê mặt bằng Nhà ga hàng hóa                                  |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Giá sàn                                                                    | m <sup>2</sup> /tháng | 235.000       | Theo đơn giá được Bộ GTVT quy định                                                                                                                                                                            |
|    | Giá trần                                                                   | m <sup>2</sup> /tháng | 400.000       |                                                                                                                                                                                                               |
| 3  | Dịch vụ cho thuê phòng họp/đào tạo                                         |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Cho thuê trong 02 giờ đầu                                                  |                       |               | <p>- Mức giá ngày Thứ 7, chủ nhật: thu thêm 30% mức giá thông thường. Không cung cấp dịch vụ trong ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù ngày nghỉ lễ theo quy định.</p> <p>- Vượt quá 30 phút: tính thêm một block.</p> |
|    | Phòng họp lớn                                                              | đồng/giờ              | 400.000       |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Phòng họp nhỏ                                                              | đồng/giờ              | 250.000       |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Cho thuê trong các giờ tiếp theo (Theo block 2 tiếng)                      |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Phòng họp lớn                                                              | block                 | 700.000       |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Phòng họp nhỏ                                                              | block                 | 400.000       |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Cho thuê theo ngày (khi thời gian sử dụng từ 6 tiếng trở lên)              |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Phòng họp lớn                                                              | ngày                  | 2.200.000     |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Phòng họp nhỏ                                                              | ngày                  | 1.400.000     |                                                                                                                                                                                                               |
| 4  | Dịch vụ cho thuê mặt bằng kho gia cố kiện hàng (không do kho hàng yêu cầu) |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Giá tối thiểu                                                              | AWB                   | 100.000       | Áp dụng như đối với hàng carton                                                                                                                                                                               |
|    | Áp dụng cho hàng carton                                                    | kiện                  | 20.000        |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Áp dụng cho hàng Pallet/skid                                               | kiện                  | 40.000        |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Áp dụng cho hàng quá khổ (chiều dài từ 2m)                                 | kiện                  | 50.000        |                                                                                                                                                                                                               |
|    | Các loại hàng khác                                                         | kiện                  |               |                                                                                                                                                                                                               |
| 5  | Dịch vụ vệ sinh văn phòng                                                  | phòng/tháng           | 500.000       | Áp dụng với phòng từ 20m <sup>2</sup> ; trường hợp vượt quá 20m <sup>2</sup> , áp dụng theo đơn giá của nhà cung cấp.                                                                                         |
| 6  | Dịch vụ cho thuê dolly                                                     |                       |               |                                                                                                                                                                                                               |



*Handwritten signature*



|    |                                                                     |               |           |                                                                                                                |
|----|---------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Dolly 10 feet                                                       | dolly/giờ     | 250.000   | Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của thiết bị.                                                                  |
|    | Dolly 20 feet tải trọng 15 tấn                                      | dolly/giờ     | 300.000   |                                                                                                                |
|    | Dolly 20 feet tải trọng 40 tấn                                      | dolly/giờ     | 400.000   |                                                                                                                |
| 7  | Dịch vụ cho thuê xe xúc nâng                                        |               |           | Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của thiết bị.                                                                  |
|    | Xe 2,5 tấn                                                          | xe/giờ        | 1.200.000 | Đơn giá đã bao gồm nhân công lái xe, nhiên liệu, bảo hiểm....                                                  |
|    | Xe 12 tấn                                                           | xe/giờ        | 1.800.000 |                                                                                                                |
| 8  | Dịch vụ cho thuê xe đầu kéo 2,5 tấn                                 | xe/giờ        | 1.250.000 | Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của thiết bị.<br>Đơn giá đã bao gồm nhân công lái xe, nhiên liệu, bảo hiểm.... |
| 9  | Dịch vụ cho thuê container lạnh                                     |               |           |                                                                                                                |
|    | Thuê nguyên container tại kho ACSV trong 04 giờ đầu                 | giờ/container | 300.000   |                                                                                                                |
|    | Thuê nguyên container tại kho ACSV từ giờ thứ 05 đến hết giờ thứ 24 | giờ/container | 390.000   |                                                                                                                |
|    | Thuê nguyên container tại kho ACSV từ giờ thứ 25                    | giờ/container | 450.000   |                                                                                                                |
| 10 | Dịch vụ cho thuê xe đẩy phục vụ hàng hóa                            |               |           |                                                                                                                |
|    | Với khách lẻ, trọng lượng hàng dưới 500 kg                          | Lượt/giờ      | 30.000    |                                                                                                                |
|    | Với những khách còn lại                                             | Tấn           | 55.000    |                                                                                                                |



*[Handwritten signature]*

| III | DỊCH VỤ PHI HÀNG KHÔNG KHÁC                                                                   | ĐƠN VỊ TÍNH   | ĐƠN GIÁ | GHI CHÚ                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dịch vụ photo chứng từ                                                                        | tờ            | 3.000   |                                                                                                                                                                           |
| 2   | Dịch vụ dán nhãn kiện hàng, kiểm tra lại kích thước kiện hàng                                 |               |         |                                                                                                                                                                           |
|     | Giá tối thiểu                                                                                 | KVĐ/lần       | 60.000  |                                                                                                                                                                           |
|     | Giá áp dụng                                                                                   | kiện          | 2.000   |                                                                                                                                                                           |
|     | Dịch vụ gia cố lại kiện hàng (do ACSV thực hiện theo yêu cầu của khách hàng)                  |               |         |                                                                                                                                                                           |
|     | Giá tối thiểu                                                                                 | KVĐ/lần       | 100.000 |                                                                                                                                                                           |
| 3   | Áp dụng cho hàng carton                                                                       | kiện          | 30.000  |                                                                                                                                                                           |
|     | Áp dụng cho hàng Pallet/skid                                                                  | kiện          | 60.000  |                                                                                                                                                                           |
|     | Áp dụng cho hàng quá khổ (chiều dài từ 2m)                                                    | kiện          | 90.000  |                                                                                                                                                                           |
|     | Các loại hàng khác                                                                            | kiện          |         | <b>Áp dụng đơn giá của hàng carton</b>                                                                                                                                    |
| 4   | Dịch vụ chụp ảnh theo yêu cầu                                                                 | Ảnh           | 15.000  | Khách hàng báo trước tối thiểu 12h trước giờ phát sinh dịch vụ                                                                                                            |
| 5   | Dịch vụ kiểm tra lại trọng lượng lô hàng theo yêu cầu của khách hàng (cho lô hàng < 300 kiện) | KVĐ/lần       | 400.000 |                                                                                                                                                                           |
| 6   | Dịch vụ đại lý giao nhận vận tải                                                              | KVĐ/lần       | 365.000 |                                                                                                                                                                           |
| 7   | Dịch vụ cho thuê tủ đựng tài liệu                                                             | ngăn tủ/tháng | 330.000 | Dịch vụ được làm tròn theo tháng. Thu tiền từ thời điểm phát sinh dịch vụ đến hết 31/12 hàng năm. Hoàn trả tiền dịch vụ còn lại nếu chấm dứt sử dụng dịch vụ trước 31/12. |



*Handwritten signature and initials in blue ink.*

|   |                                          |     |           |                                                                                                                                                                                          |
|---|------------------------------------------|-----|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8 | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa trong sân đỗ | AWB | 2.500.000 | Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của trang thiết bị. Cung cấp 01 đầu kéo và không quá 03 dollies 10 feet hoặc 01 dolly 20 feet cho 01 lần dịch vụ chuyển trong sân đỗ đến hoặc đi từ ACSV |
|---|------------------------------------------|-----|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Ghi chú:**

Phụ thu ngoài giờ hành chính: Không áp dụng cho tất cả đơn giá các dịch vụ phi hàng không.  
 Các đơn giá tại mục (II; III) chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định.

